

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Mười và 10 tháng năm 2025

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp

a) Trồng trọt

Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường, đến ngày 15/10/2025, tổng diện tích thu hoạch các loại cây trồng hàng năm vụ thu mùa trên địa bàn toàn tỉnh đạt 119.452 ha, đạt 78,0% diện tích gieo trồng; trong đó, diện tích lúa 94.193 ha, đạt 85,1% diện tích gieo trồng, giảm 13,2% so với cùng thời điểm năm 2024. Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ đông năm 2025 - 2026 đến cùng thời điểm nêu trên đạt 14.269 ha, đạt 31,0% kế hoạch, giảm 46,1% so với cùng thời điểm năm 2024¹.

b) Chăn nuôi

Kết quả tiêm phòng cho gia súc, gia cầm đợt 2 năm 2025 tính đến ngày 15/10/2025 như sau: Vắc xin đại chó, mèo 137.593 con, đạt 53,49%; vắc xin cúm gia cầm 325.700 con, đạt 11,28%; vắc xin lở mồm long móng gia súc 35.550 con, đạt 17,82%; vắc xin tụ huyết trùng trâu, bò 29.650 con, đạt 15,71%; vắc xin viêm da nổi cục trâu, bò 1.215 con; vắc xin tụ đậu lợn 19.330 con, đạt 7,15%; vắc xin dịch tả lợn 20.250 con, đạt 9,05%.

Từ ngày 30/6/2025 đến 15 giờ ngày 16/10/2025, bệnh dịch tả lợn Châu Phi đã xảy ra tại 8.180 hộ thuộc 1.561 thôn của 131 xã, phường trên địa bàn toàn tỉnh; buộc phải tiêu huỷ 78.507 con lợn, trọng lượng 5.198.944,1 kg. Tính đến 15 giờ ngày 16/10/2025, dịch đã qua 21 ngày không phát sinh tại 45 xã, toàn tỉnh còn 86 xã, phường đang có dịch bệnh tả lợn Châu Phi chưa qua 21 ngày.

1.2. Lâm nghiệp

Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường, tính đến ngày 15/10/2025, toàn tỉnh đã trồng được 5,42 triệu cây phân tán các loại; 9,5 nghìn ha rừng trồng tập trung. Công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng tiếp tục được tăng cường; không có cháy rừng xảy ra, an ninh rừng được giữ vững.

1.3. Thủy sản

Tháng 10/2025, sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản ước đạt 18.550 tấn, tăng 0,2% so với tháng trước, tăng 1,6% so với tháng cùng kỳ; trong đó, sản lượng khai thác 12.677 tấn, tăng 7,6% so tháng trước và tăng 2,0% so cùng kỳ; sản lượng nuôi trồng 5.873 tấn, giảm 12,8% so với tháng trước và tăng 0,6% so với tháng cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2025, sản lượng khai thác và nuôi trồng ước đạt 184.868 tấn, tăng 1,7% so cùng kỳ; trong đó, sản lượng khai thác 118.334 tấn, tăng 0,9%; sản lượng nuôi trồng 66.534 tấn, tăng 3,1%.

¹ Trong đó: Ngô 5.011 ha, đạt 35,8% kế hoạch; lạc 851 ha, đạt 60,8% kế hoạch; khoai lang 547 ha, đạt 32,2% kế hoạch; rau đậu các loại 6.439 ha, đạt 28,0% kế hoạch; cây trồng khác 1.413 ha, đạt 23,9% kế hoạch.

2. Sản xuất công nghiệp

Tháng 10/2025, sản xuất công nghiệp tiếp tục ổn định và duy trì được tốc độ tăng trưởng đã đạt được trong 9 tháng đầu năm. Chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành ước tính tháng 10/2025 tăng 5,27% so với tháng trước, tăng 21,96% so với tháng cùng kỳ². Tính chung 10 tháng năm 2025, chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành tăng 15,55% so với cùng kỳ³.

Một số sản phẩm chủ yếu tháng 10/2025 so với tháng trước và tháng cùng kỳ như sau: Xăng các loại 330,9 nghìn tấn, tăng 2,6% so tháng trước, tăng 30,9% so tháng cùng kỳ; dầu diesel 545,4 nghìn tấn, tăng 3,0% so tháng trước, tăng 34,3% so tháng cùng kỳ; bia các loại 2,3 triệu lít, giảm 11,2% so tháng trước, giảm 4,0% so tháng cùng kỳ; thuốc lá bao 32,1 triệu bao, tăng 4,4% so tháng trước, tăng 21,5% so tháng cùng kỳ; quần áo các loại 92,4 triệu cái, tăng 2,1% so tháng trước, tăng 32,9% so tháng cùng kỳ; giày thể thao 38 triệu đôi, tăng 7,5% so tháng trước, tăng 4,8% so tháng cùng kỳ; xi măng 2,1 triệu tấn, tăng 18,2% so tháng trước, tăng 22,3% so tháng cùng kỳ; sắt thép 467,6 nghìn tấn, tăng 15,9% so tháng trước, tăng 27,5% so tháng cùng kỳ; điện sản xuất 1.106 triệu kwh, tăng 3,5% so tháng trước, giảm 0,8% so tháng cùng kỳ; nước máy 5,1 triệu m³, giảm 2,4% so tháng trước, giảm 0,9% so tháng cùng kỳ.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 10/2025 dự kiến tăng 4,32% so với tháng trước, tăng 24,18% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 10 tháng năm 2025, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 27,61% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 10/2025 dự kiến tăng 3,76% so với tháng trước, giảm 9,54% so với tháng cùng kỳ.

Số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tháng 10/2025 dự kiến tăng 0,24% so với tháng trước, tăng 4,50% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 10 tháng năm 2025, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp giảm 8,29% so với cùng kỳ.

3. Đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước địa phương ước tính tháng 10/2025 đạt 1.583,4 tỷ đồng, tăng 1,6% so tháng trước, tăng 39,7% so tháng cùng kỳ⁴. Lũy kế 10 tháng năm 2025, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà

² Công nghiệp khai khoáng tăng 1,81% so với tháng trước, tăng 13,12% so với tháng cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,43% so với tháng trước, tăng 23,46% so với tháng cùng kỳ; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 2,96% so với tháng trước, tăng 2,05% so với tháng cùng kỳ; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 1,15% so với tháng trước, tăng 4,84% so với tháng cùng kỳ.

³ Công nghiệp khai khoáng tăng 9,05%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 17,32%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí giảm 5,68%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,27% so với cùng kỳ.

⁴ Vốn ngân sách nhà nước cấp tính 888,5 tỷ đồng, tăng 1,7% so tháng trước, tăng 49,8% so tháng cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp xã 694,9 tỷ đồng, tăng 1,5% so tháng trước, tăng 28,7% so tháng cùng kỳ.

nước địa phương ước đạt 11.997,2 tỷ đồng, đạt 63,7% kế hoạch năm, tăng 17,3% so cùng kỳ năm 2024⁵.

Tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công được quan tâm chỉ đạo, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện chiến dịch cao điểm 90 ngày đêm hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công năm 2025⁶; giá trị giải ngân vốn đầu tư công đến ngày 14/10/2025 là 14.692,7 tỷ đồng, đạt 58,7% kế hoạch⁷, cao hơn 9,5% so với tỷ lệ giải ngân chung của cả nước

4. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

4.1. Hoạt động bán lẻ hàng hóa

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 10/2025 ước đạt 15.088 tỷ đồng, tăng 2,5% so với tháng trước, tăng 15,6% so với tháng cùng kỳ năm trước⁸. Lũy kế 10 tháng năm 2025, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 140.081 tỷ đồng, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2024⁹.

4.2. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2025 tăng 0,08% so với tháng trước, tăng 3,36% so với tháng 12/2024 và tăng 3,25% so với tháng 10/2024. Bình quân 10 tháng năm 2025, CPI tăng 3,38% so với cùng kỳ năm trước (bình quân 10 tháng năm 2024, CPI tăng 2,85% so với cùng kỳ năm trước).

Trong mức tăng 0,08% của CPI tháng 10/2025 so với tháng trước có 8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, gồm: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,74% (lương thực tăng 0,32%, thực phẩm tăng 1,05%, ăn uống ngoài gia đình tăng 0,05%); nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,31%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,19%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,30%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,06%; nhóm giáo dục tăng 0,04%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,38%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,05%. 2/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm, gồm: Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,63%; nhóm giao thông giảm 1,22%. Duy nhất nhóm bưu chính viễn thông chỉ số giá không tăng, không giảm so với tháng trước.

⁵ Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 6.545,3 tỷ đồng, tăng 21,7% so với cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp xã 5.451,8 tỷ đồng, tăng 12,3% so với cùng kỳ.

⁶ Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 02/10/2025.

⁷ Tổng kế hoạch vốn 25.023,73 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP do tỉnh quản lý là 10.977,044 tỷ đồng; vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh là 2.094,97 tỷ đồng; vốn NSTW là 3.136,688 tỷ đồng; vốn dự bị động viên (NSTW) là 7 tỷ đồng; vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP thực hiện Nghị quyết số 37/2021/QH14 là 2.621,391 tỷ đồng; vốn do HĐND và UBND cấp xã giao tăng thêm là 6.186,637 tỷ đồng.

⁸ Tháng 10/2025: Nhóm hàng lương thực, thực phẩm ước đạt 7.120,3 tỷ đồng, tăng 2,2% so tháng trước, tăng 16,6% so tháng cùng kỳ; nhóm hàng may mặc 746,6 tỷ đồng, tăng 1,1% so tháng trước, tăng 10,6% so tháng cùng kỳ; nhóm đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình 1.338,8 tỷ đồng, tăng 0,9% so tháng trước, tăng 9,5% so tháng cùng kỳ; ô tô con các loại (dưới 9 chỗ ngồi) 445,1 tỷ đồng, tăng 2,6% so tháng trước, tăng 2,4% so tháng cùng kỳ; xăng, dầu các loại 1.815,2 tỷ đồng, tăng 0,7% so tháng trước, tăng 9,8% so với tháng cùng kỳ; đá quý, kim loại quý 556,5 tỷ đồng, tăng 28,2% so tháng trước, tăng 91,7% so tháng cùng kỳ...

⁹ Lũy kế 10 tháng năm 2025: Nhóm hàng lương thực, thực phẩm ước đạt 65.963 tỷ đồng, tăng 15,8%; nhóm đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình 12.868 tỷ đồng, tăng 9,4%; ô tô con các loại (dưới 9 chỗ ngồi) 4.404 tỷ đồng, tăng 6,6%; xăng, dầu các loại 17.226 tỷ đồng, tăng 7,8 %; đá quý, kim loại quý 4.087 tỷ đồng, tăng 54,4% so cùng kỳ...

Chỉ số giá vàng tháng 10/2025 tăng 17,21% so với tháng trước, tăng 62,30% so với tháng 10/2024; bình quân 10 tháng năm 2025 tăng 43,84% so với bình quân cùng kỳ năm 2024. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 10/2025 giảm 0,28% so với tháng trước, tăng 5,69% so với tháng 10/2024; bình quân 10 tháng năm 2025 tăng 3,83% so với bình quân cùng kỳ năm 2024.

4.3. Vận tải hành khách và hàng hóa

Tháng 10/2025, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 396,9 tỷ đồng, giảm 1,1% so tháng trước, tăng 12,1% so với tháng cùng kỳ, hành khách vận chuyển 2.522 nghìn người, hành khách luân chuyển 268.417 nghìn người.km; so với tháng trước giảm 1,4% về hành khách vận chuyển, giảm 1,0% về hành khách luân chuyển; so với tháng cùng kỳ năm trước tăng 11,2% về hành khách vận chuyển, tăng 8,7% về hành khách luân chuyển. Doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 1.077,9 tỷ đồng, giảm 0,9% so với tháng trước, tăng 19,1% so tháng cùng kỳ; hàng hoá vận chuyển 6.057 nghìn tấn, hàng hóa luân chuyển 347.876 nghìn tấn.km; so với tháng trước, giảm 1,2% về hàng hóa vận chuyển, giảm 1,6% về hàng hóa luân chuyển; so với tháng cùng kỳ năm trước, tăng 24,0% về lượng hàng hóa vận chuyển, tăng 17,9% về lượng hàng hóa luân chuyển. Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 688,1 tỷ đồng, tăng 2,0% so tháng trước, tăng 37,5% so tháng cùng kỳ. Doanh thu bưu chính, chuyển phát (chưa bao gồm doanh thu của các tập đoàn, tổng công ty hạch toán toàn ngành do Cục Thống kê phân bổ) ước đạt 9,3 tỷ đồng, tăng 1,0% so tháng trước, tăng 17,5% so tháng cùng kỳ.

Luỹ kế 10 tháng đầu năm 2025, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 3.683 tỷ đồng, tăng 13,9% so với cùng kỳ, hành khách vận chuyển 23,6 triệu người, hành khách luân chuyển 2.527,8 triệu người.km, tăng 11,5% về hành khách vận chuyển, tăng 11,3% về hành khách luân chuyển so với cùng kỳ năm trước; doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 10.212 tỷ đồng, tăng 17,7% so với cùng kỳ; hàng hoá vận chuyển 56,1 triệu tấn, hàng hóa luân chuyển 3.310,4 triệu tấn.km, tăng 18,3% về hàng hóa vận chuyển, tăng 16,1% về hàng hóa luân chuyển so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 6.224 tỷ đồng, tăng 29,5% so cùng kỳ; doanh thu bưu chính, chuyển phát (chưa bao gồm doanh thu của các tập đoàn, tổng công ty hạch toán toàn ngành do Cục Thống kê phân bổ) ước đạt 83,8 tỷ đồng, tăng 14,7% so cùng kỳ.

4.4. Hoạt động lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

Tháng 10/2025, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 431,3 tỷ đồng, giảm 8,3% so với tháng trước, tăng 22,4% so với tháng cùng kỳ; doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 2.184,7 tỷ đồng, tăng 3,0% so với tháng trước, tăng 33,1% so với tháng cùng kỳ; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 27,8 tỷ đồng, giảm 7,5% so với tháng trước, tăng 16,3% so với tháng cùng kỳ; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 2.494,4 tỷ đồng, tăng 2,3% so tháng trước, tăng 24,6% so tháng cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2025, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 4.873 tỷ đồng, tăng 23,5% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 17.225 tỷ đồng, tăng 21,9%

so với cùng kỳ; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 286 tỷ đồng, tăng 20,7% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 22.664 tỷ đồng, tăng 18,3% so cùng kỳ.

5. Một số tình hình xã hội

5.1. Đời sống dân cư và an sinh xã hội

Đời sống Nhân dân trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, công tác an sinh xã hội được đảm bảo. Tháng 10/2025, Sở Nội vụ chỉ đạo các địa phương phối hợp với cơ quan bưu điện cùng cấp triển khai thực hiện công tác chi trả trợ cấp đối với 63.412 đối tượng người có công, với tổng kinh phí thực hiện là 201,165 tỷ đồng; chi trả trợ cấp xã hội cho trên 186 nghìn đối tượng bảo trợ xã hội và hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội, với tổng kinh phí thực hiện trên 138,8 tỷ đồng.

5.2. Lao động, việc làm

Tháng 10/2025, toàn tỉnh tạo việc làm mới cho 6.050 lao động, trong đó có 1.142 người đi làm việc ở nước ngoài, giải quyết trợ cấp thất nghiệp cho 1.771 lao động¹⁰; cấp mới giấy phép cho 169 lao động, cấp lại giấy phép cho 16 lao động, gia hạn giấy phép cho 22 lao động nước ngoài làm việc tại Thanh Hóa.

5.3. Y tế

Trong tháng, tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh được kiểm soát tốt; ngành Y tế đã chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp vừa đảm bảo phòng, chống dịch bệnh, vừa nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, bảo vệ sức khỏe Nhân dân. Công tác tiêm chủng mở rộng, đặc biệt là tiêm vắc xin phòng Sởi tiếp tục được quan tâm và đạt tỷ lệ tiêm chủng cao, cơ bản các nhóm đối tượng nguy cơ đã được chủng ngừa vắc xin. Hoàn thành chiến dịch uống Vitamin A và bổ sung đa vi chất năm 2025 trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch. Làm tốt công tác phòng, chống và kiểm soát dịch bệnh sau mùa lũ, không để xuất hiện các chùm ca bệnh, ổ dịch lớn trong cộng đồng¹¹.

5.4. Giáo dục - Đào tạo

Toàn ngành Giáo dục - Đào tạo tổ chức phát động các phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt”; các hoạt động văn hóa, thể thao chào mừng kỷ niệm 43 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 - 20/11/2025). Tổ chức cuộc thi truyền hình “Âm vang xứ Thanh” lần thứ XX; cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh lần thứ 13, học sinh trung học năm học 2025 - 2026. Chuẩn bị điều kiện tổ chức các kỳ thi chọn học sinh giỏi tỉnh các môn văn hóa cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông năm học 2025 - 2026; kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông năm học 2025 - 2026.

5.5. Văn hoá - Thể dục thể thao

¹⁰ Lũy kế 10 tháng năm 2025, tạo việc làm mới cho 54.550 lao động, trong đó có 9.222 lao động đi làm việc ở nước ngoài.

¹¹ Dịch bệnh được kiểm soát tốt, số mắc theo tuần giảm rõ rệt, các ca bệnh ghi nhận rải rác, không ghi nhận các ổ dịch tập trung; từ 8/9-5/10/2025 có 42 ca sốt xuất huyết; 06 ca Sốt phát ban nghi sởi; 45 ca tay chân miệng.

Ngành Văn hoá - Thông tin tuyên truyền kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh Thanh Hóa lần thứ XI, Lễ hội Lam Kinh năm 2025; phối hợp thực hiện hoạt động trong khuôn khổ Tuần Văn hóa Lào tại Việt Nam năm 2025. Công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở tiếp tục được quan tâm, thể thao quần chúng được duy trì¹²; thể thao thành tích cao thi đấu tham gia thi đấu 10 giải, đạt 52 huy chương các loại¹³.

5.6. Tai nạn giao thông

Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông tỉnh, tháng 10/2025 (tính từ ngày 15/9/2025 đến ngày 14/10/2025), toàn tỉnh xảy ra 42 vụ tai nạn giao thông, làm chết 23 người, bị thương 29 người; so với cùng kỳ năm 2024, giảm 43 vụ, giảm 22 người chết, giảm 34 người bị thương. Tính chung 10 tháng năm 2025 trên địa bàn tỉnh xảy ra 641 vụ tai nạn giao thông, làm chết 354 người, bị thương 478 người; so với cùng kỳ năm 2024, giảm 138 vụ, tăng 19 người chết, giảm 183 người bị thương.

5.7. Cháy, nổ

Tháng 10/2025, toàn tỉnh xảy ra 04 vụ cháy, nổ, thiệt hại khoảng 117 triệu đồng (còn 01 vụ đang thống kê thiệt hại). Tính chung 10 tháng năm 2025, toàn tỉnh xảy ra 75 vụ cháy, không có người chết và bị thương, thiệt hại 3.175 triệu đồng./.

THỐNG KÊ TỈNH THANH HÓA

¹² Từ ngày 04-05/10/2025: Tổ chức Giải Tung còn, Đẩy gậy, Bắn nỏ, Kéo co và Bóng chuyền tại Sân vận động Trường Đại học Hồng Đức với 558 vận động viên của 38 đoàn các xã, phường trong tỉnh tham dự; ngày 11, 12/10/2025: Tổ chức giải Vovinam trong chương trình trong chương trình Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Thanh Hóa lần thứ X, năm 2025.

¹³ Trong đó: 12 HCV, 19 HCB, 21 HCD.